TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THỦ ĐỨC
KHOA: KHOA HỌC CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TIẾN ĐỘ ĐÀO TẠO HỌC KỲ II NĂM HỌC 2018 - 2019 (Bậc Cao đẳng và Trung cấp)
CHUYÊN NGÀNH: DÙNG CHUNG CHO CÁC NGÀNH --- KHOÁ 16, 17, 18

						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15				
						Tháng		**Tháng 3**				**Tháng 4**					**Tháng 5**				**Tháng 6**			
						18	25	4	11	18	25	1	8	15	22	29	6	13	20	27	3	10	17	24
						24	3	10	17	24	31	7	14	21	28	5	12	19	26	2	9	16	23	30
STT	**Mã LHP**	**Tên HP**	**Tên CBGD**	**Số Tiết**	**Số TC**	**25**	**26**	**27**	**28**	**29**	**30**	**31**	**32**	**33**	**34**	**35**	**36**	**37**	**38**	**39**	**40**	**41**	**42**	**43**
1	DCK10003101	Giáo dục thể chất 1	Mai Thế Duy	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2			
2	DCK10003201	Giáo dục thể chất 2	Bùi Trọng Khôi	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2			
3	DCK10003202	Giáo dục thể chất 2	Bùi Trọng Khôi	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2			
4	DCK10003203	Giáo dục thể chất 2	Bùi Trọng Khôi	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2			
5	DCK10003205	Giáo dục thể chất 2	Bùi Trọng Khôi	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2			
6	DCK10003206	Giáo dục thể chất 2	Bùi Trọng Khôi	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2			
7	DCK10003208	Giáo dục thể chất 2	Bùi Trọng Khôi	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2			
8	DCK10003209	Giáo dục thể chất 2	Bùi Trọng Khôi	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2				
9	DCK10003210	Giáo dục thể chất 2	Bùi Trọng Khôi	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2				
10	DCK100032100	Giáo dục thể chất 2	Trương Quang Minh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2				
11	DCK100032101	Giáo dục thể chất 2	Trương Quang Minh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2				

12	DCK100032102	Giáo dục thể chất 2	Đinh Sang Giàu	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2				
13	DCK100032103	Giáo dục thể chất 2	Đinh Sang Giàu	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2				
14	DCK100032104	Giáo dục thể chất 2	Trịnh Quốc Tuấn	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2			
15	DCK100032105	Giáo dục thể chất 2	Trịnh Quốc Tuấn	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2			
16	DCK10003211	Giáo dục thể chất 2	Đinh Sang Giàu	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2			
17	DCK10003212	Giáo dục thể chất 2	Lê Vĩnh Đài	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2			
18	DCK10003213	Giáo dục thể chất 2	Lê Vĩnh Đài	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2			
19	DCK10003214	Giáo dục thể chất 2	Lê Vĩnh Đài	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2			
20	DCK10003215	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Đức Chánh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2			
21	DCK10003216	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Đức Chánh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2			
22	DCK10003217	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Đức Chánh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2			
23	DCK10003219	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Đức Chánh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2			
24	DCK10003220	Giáo dục thể chất 2	Lê Minh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2			
25	DCK10003221	Giáo dục thể chất 2	Lê Minh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2			

26	DCK10003222	Giáo dục thể chất 2	Lê Minh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2			
27	DCK10003223	Giáo dục thể chất 2	Lê Minh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2			
28	DCK10003225	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Văn Tuấn Anh, Đinh Sang Giàu	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2				
29	DCK10003226	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Thanh Tuấn Anh, Đinh Sang Giàu	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2				
30	DCK10003227	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Thanh Tuấn Anh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2				
31	DCK10003228	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Thanh Tuấn Anh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2				
32	DCK10003232	Giáo dục thể chất 2	Lê Minh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2				
33	DCK10003233	Giáo dục thể chất 2	Lê Minh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2				
34	DCK10003234	Giáo dục thể chất 2	Trương Quang Minh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2			
35	DCK10003236	Giáo dục thể chất 2	Trương Quang Minh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2			
36	DCK10003237	Giáo dục thể chất 2	Phan Minh Chí	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2			
37	DCK10003239	Giáo dục thể chất 2	Mai Thế Duy	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2			
38	DCK10003241	Giáo dục thể chất 2	Mai Thế Duy	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2			
39	DCK10003243	Giáo dục thể chất 2	Mai Thế Duy	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2			

40	DCK10003245	Giáo dục thể chất 2	Phan Minh Chí	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2			
41	**DCK10003246+ DCK10003301**	Giáo dục thể chất 2	Mai Thế Duy	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2			
42	DCK10003247	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Đức Chánh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2			
43	DCK10003248	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Đức Chánh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2			
44	DCK10003251	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Đức Chánh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2			
45	DCK10003253	Giáo dục thể chất 2	Phan Minh Chí	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2				
46	DCK10003254	Giáo dục thể chất 2	Phan Minh Chí	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2				
47	DCK10003255	Giáo dục thể chất 2	Mai Thế Duy	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2				
48	DCK10003256	Giáo dục thể chất 2	Mai Thế Duy	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2				
49	DCK10003258	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Đức Chánh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2				
50	DCK10003259	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Đức Chánh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2				
51	DCK10003261	Giáo dục thể chất 2	Mai Thế Duy	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2				
52	DCK10003262	Giáo dục thể chất 2	Mai Thế Duy	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2				
53	DCK10003266	Giáo dục thể chất 2	Trịnh Quốc Tuấn	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2			

54	DCK10003267	Giáo dục thể chất 2	Trịnh Quốc Tuấn	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2			
55	DCK10003268	Giáo dục thể chất 2	Trịnh Quốc Tuấn	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2			
56	DCK10003269	Giáo dục thể chất 2	Trịnh Quốc Tuấn	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2			
57	DCK10003270	Giáo dục thể chất 2	Trịnh Quốc Tuấn	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2			
58	DCK10003271	Giáo dục thể chất 2	Trịnh Quốc Tuấn	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2			
59	DCK10003272	Giáo dục thể chất 2	Trịnh Quốc Tuấn	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2				
60	DCK10003273	Giáo dục thể chất 2	Trịnh Quốc Tuấn	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2				
61	DCK10003274	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Thanh Tuấn Anh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2			
62	DCK10003275	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Thanh Tuấn Anh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2				
63	DCK10003276	Giáo dục thể chất 2	Phạm Thị Hồng Lụa	30	1	2	2		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2			
64	DCK10003277	Giáo dục thể chất 2	Phạm Thị Hồng Lụa	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2				
65	DCK10003283	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Thanh Tuấn Anh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2				
66	DCK10003285	Giáo dục thể chất 2	Phạm Thị Hồng Lụa	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2			
67	DCK10003290	Giáo dục thể chất 2	Phạm Thị Hồng Lụa	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2				

68	DCK10003291	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Thanh Tuấn Anh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2			
69	DCK10003294	Giáo dục thể chất 2	Lê Minh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2			
70	DCK10003297	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Thanh Tuấn Anh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2			
71	DCK10003298	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Thanh Tuấn Anh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2			
72	DCK10003301	Giáo dục thể chất 3	Mai Thế Duy	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2			
73	DCC10005001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Trần Thị Kim Oanh	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3		3		3	THI	THI					
74	DCC10005301	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Ngô Văn Quang	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI					
75	DCC10005302	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Ngô Văn Quang	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI					
76	DCC10005303	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Nguyễn Mạnh Tưởng	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI					
77	DCC10005304	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Nguyễn Mạnh Tưởng	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI					
78	DCC10005305	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Nguyễn Văn Úy	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI					
79	DCC10005306	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Nguyễn Văn Úy	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI					
80	DCC10005307	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Nguyễn Mạnh Tưởng	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI					

81	DCC10005308	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Nguyễn Mạnh Tưởng	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI					
82	DCC10005309	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Lâm Văn Vũ	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI					
83	DCC10005310	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Lâm Văn Vũ	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI					
84	DCC10005311	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Nguyễn Thanh Hà	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI					
85	DCC10005312	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Nguyễn Thanh Hà	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI					
86	DCC10006001	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	Trần Cường	45	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		THI	THI	
87	DCC10007001	Toán cao cấp 1	Võ Hoàng Lan Khuê	45	3	6	6	6	6	6	6	6	3									THI	THI	
88	DCC10008001	Toán cao cấp 2	Võ Hoàng Lan Khuê	45	3	6	6	6	6	6	6	6	3									THI	THI	
89	DCC10010001	Vật lý đại cương	Nguyễn Ngô Thanh Tân	75	2	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5		5	5	10	5		THI	THI	
90	DCC10013101	Chính trị 1	Lưu Thị Thu Hương	45	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		THI	THI	
91	DCC10013102	Chính trị 1	Lưu Thị Thu Hương	45	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		THI	THI	
92	DCC10013104	Chính trị 1	Vũ Thị Thu Huyền	45	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	THI	THI	
93	DCC10013105	Chính trị 1	Vũ Thị Thu Huyền	45	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	THI	THI	

94	DCC10013106	Chính trị 1	Vũ Thị Thu Huyền	45	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**	
95	DCC10013107	Chính trị 1	Vũ Thị Thu Huyền	45	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**	
96	**DCC10013108+ DCC10001301+ DCT40006001**	Chính trị 1	Lưu Thị Thu Hương	45	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**	
97	**DCC10013109+ DCC10001201**	Chính trị 1	Lưu Thị Thu Hương	45	3	3	3	6	3	3	3	3	3		3		3	3	3	3	3	**THI**	**THI**	
98	DCC10013201	Chính trị 2	Đinh Thị Bắc	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	**THI**	**THI**	
99	DCC10013202	Chính trị 2	Đinh Thị Bắc	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	**THI**	**THI**	
100	DCC10013203	Chính trị 2	Nguyễn Quốc Điền	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**	
101	DCC10013204	Chính trị 2	Đinh Thị Bắc	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	**THI**	**THI**	
102	DCC10013205	Chính trị 2	Đinh Thị Bắc	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	**THI**	**THI**	
103	DCC10013206	Chính trị 2	Trần Cường	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**	
104	DCC10013207	Chính trị 2	Trần Cường	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**	
105	DCC10013208	Chính trị 2	Nguyễn Thị Chuẩn	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	**THI**	**THI**	
106	DCC10013209	Chính trị 2	Nguyễn Thị Chuẩn	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	**THI**	**THI**	
107	DCC10013210	Chính trị 2	Trần Cường	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**	

108	DCC10013212	Chính trị 2	Trần Cường	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	**THI**	**THI**	
109	DCC10013213	Chính trị 2	Trần Cường	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	**THI**	**THI**	
110	DCC10013214	Chính trị 2	Hoàng Hải Đông	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	**THI**	**THI**	
111	DCC10013215	Chính trị 2	Hoàng Hải Đông	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	**THI**	**THI**	
112	DCC10013216	Chính trị 2	Tô Thanh My	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	**THI**	**THI**	
113	DCC10013217	Chính trị 2	Tô Thanh My	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	**THI**	**THI**	
114	DCC10013219	Chính trị 2	Tô Thanh My	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**	
115	DCC10013221	Chính trị 2	Tô Thanh My	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**	
116	DCC10013223	Chính trị 2	Nguyễn Quốc Điền	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**	
117	DCC10013225	Chính trị 2	Nguyễn Quốc Điền	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**	
118	DCC10013226	Chính trị 2	Nguyễn Quốc Điền	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	**THI**	**THI**	
119	DCC10013227	Chính trị 2	Nguyễn Quốc Điền	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	**THI**	**THI**	
120	DCC10013228	Chính trị 2	Hoàng Hải Đông	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**	
121	DCC10013229	Chính trị 2	Hoàng Hải Đông	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**	
122	DCC10013231	Chính trị 2	Trần Thị Kim Oanh	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	**THI**	**THI**	

123	DCC10013233	Chính trị 2	Trần Thị Kim Oanh	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	**THI**	**THI**	
124	DCC10013234	Chính trị 2	Trần Thị Kim Oanh	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**	
125	DCC10013236	Chính trị 2	Trần Thị Kim Oanh	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**	
126	DCC10013237	Chính trị 2	Trần Thị Kim Oanh	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**	
127	DCC10013238	Chính trị 2	Trần Thị Kim Oanh	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**	
128	DCC10013239	Chính trị 2	Nguyễn Thị Chuẩn	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	**THI**	**THI**	
129	DCC10013240	Chính trị 2	Tô Thanh My	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	**THI**	**THI**	
130	DCC10013241	Chính trị 2	Lưu Thị Thu Hương	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	**THI**	**THI**	
131	DCC10013242	Chính trị 2	Lưu Thị Thu Hương	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	**THI**	**THI**	
132	DCC10013243	Chính trị 2	Đinh Thị Bắc	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	**THI**	**THI**	
133	DCC10013244	Chính trị 2	Hoàng Hải Đông	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	**THI**	**THI**	
134	DCC10013245	Chính trị 2	Nguyễn Thị Chuẩn	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	**THI**	**THI**	
135	DCC10013246	Chính trị 2	Đinh Thị Bắc	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	**THI**	**THI**	
136	**DCC10013247+ DCC10006001**	Chính trị 2	Trần Cường	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**	

137	DCC10022001	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3		3		3	**THI**	**THI**					
138	DCC10022002	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3		3		3	**THI**	**THI**					
138	DCC10022003	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**	**THI**					
139	DCC10022004	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**	**THI**					
140	DCC10022005	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**	**THI**					
141	DCC10022006	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**	**THI**					
142	DCC10022007	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**	**THI**					
143	**DCC10022008+ DCT40005001**	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**	**THI**					
144	DCC10022009	Pháp luật	Trương Thị Thanh Trúc	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**	**THI**					
145	DCC10022010	Pháp luật	Trương Thị Thanh Trúc	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**	**THI**					
146	DCC10022011	Pháp luật	Trương Thị Thanh Trúc	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3		3		3	**THI**	**THI**					
147	DCC10022012	Pháp luật	Trương Thị Thanh Trúc	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3		3		3	**THI**	**THI**					

148	DCC10022013	Pháp luật	Đinh Thị Yến Ngọc	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**	**THI**					
149	DCC10022014	Pháp luật	Đinh Thị Yến Ngọc	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**	**THI**					
150	DCC10022015	Pháp luật	Đinh Thị Yến Ngọc	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**	**THI**					
151	DCC10022016	Pháp luật	Đinh Thị Yến Ngọc	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**	**THI**					
152	**DCC10022017+ DCC10018001**	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**	**THI**					
153	DCC10022019	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3		3		3	**THI**	**THI**					
154	DCK10005202	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1B	Lâm Văn Vũ	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	**THI**	**THI**	
155	DCK10005203	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1B	Lâm Văn Vũ	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	**THI**	**THI**	
156	DCK10005204	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1B	Lâm Văn Vũ	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	**THI**	**THI**	
157	DCK10005206	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1B	Lâm Văn Vũ	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	**THI**	**THI**	
158	DCK10005207	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1B	Nguyễn Văn Úy	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**	
159	DCK10005208	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1B	Nguyễn Văn Úy	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**	
160	DCK10005209	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1B	Ngô Văn Quang	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	**THI**	**THI**	

161	DCK10005211	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1B	Ngô Văn Quang	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	**THI**	**THI**	
162	DCK10005212	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1B	Ngô Văn Quang	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	**THI**	**THI**	
163	DCK10005214	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1B	Ngô Văn Quang	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	**THI**	**THI**	
164	DCK10005215	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1B	Nguyễn Văn Úy	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	**THI**	**THI**	
165	DCK10005216	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1B	Nguyễn Văn Úy	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	**THI**	**THI**	
166	DCK10005217	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1B	Ngô Văn Quang	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	**THI**	**THI**	
167	DCK10005218	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1B	Ngô Văn Quang	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	**THI**	**THI**	
168	DCK10005219	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1B	Nguyễn Văn Úy	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**	
169	DCK10005220	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1B	Nguyễn Mạnh Tưởng	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**	
170	DCK10005221	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1B	Nguyễn Mạnh Tưởng	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**	
171	DCK10005222	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1B	Nguyễn Thanh Hà	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**	
172	DCK10005223	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1B	Nguyễn Thanh Hà	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**	
173	DCK10005228	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1B	Nguyễn Thanh Hà	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	**THI**	**THI**	

174	DCC10024001	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	15	1																			
175	DCK10005101	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1A	Lâm Văn Vũ	75	3	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5		**THI**	**THI**	
176	DCT40001003	Chính trị	Tô Thanh My	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3							**THI**	**THI**	
177	DCT40001201	Giáo dục quốc phòng - An ninh 2	Lâm Văn Vũ	45	1	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	**THI**	**THI**	
178	DCT40001202	Giáo dục quốc phòng - An ninh 2	Ngô Văn Quang	45	1	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	**THI**	**THI**	
179	DCT40003001	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	15	1							3	3	3	3		3					**THI**	**THI**	
180	DCT40008601	Toán 6	Vũ Thị Lệ Thủy	45	2	3	3	3	6	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3		**THI**	**THI**	
181	DCT40008901	Toán 6A	Võ Duy Tâm	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**	**THI**					
182	DCT40009601	Vật lý 3A	Hồ Thị Hồng	45	2	3	3	3	3	3	3	3	**5**	**5**	**5**	**5**	**4**	**THI**						
183	**DCT40014001+ DCT40011301+ DCT40011401**	Ngữ văn 1	Trần Quyết Thắng	75	4			12	12	12	12	12	12	3				**THI**	**THI**					
184	DCT40014002	Ngữ văn 1	Trần Quyết Thắng	75	4			12	12	12	12	12	12	3				**THI**	**THI**					
185	DCT40018001	Toán 1	Võ Duy Tâm	120	6			12	12	12	12	12	12	8	12	4	12	12				**THI**	**THI**	
186	DCT40018002	Toán 1	Vũ Thị Lệ Thủy	120	6			12	12	12	12	12	12	12	12	8	12	4				**THI**	**THI**	
187	DCT40022001	Vật lý 1	Hồ Thị Hồng	60	4			4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**THI**	

188	DCT40022002	Vật lý 1	Hồ Thị Hồng	60	4			4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	THI	
189	DCT40026001	Hóa học 1	Trần Ngọc Dũng	60	3			4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	THI	
190	DCT40026002	Hóa học 1	Trần Ngọc Dũng	60	3			4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	THI	
191	DCK10001005	Kỹ năng giao tiếp	Lê Minh Trung	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI					
192	DCK10001006	Kỹ năng giao tiếp	Lê Minh Trung	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI					
193	DCK10001007	Kỹ năng giao tiếp	Lê Minh Trung	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI					
194	DCK10001008	Kỹ năng giao tiếp	Lê Minh Trung	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI					
195	DCK10001009	Kỹ năng giao tiếp	Lê Minh Trung	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI					
196	DCK10001010	Kỹ năng giao tiếp	Lê Minh Trung	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI					
197	DCK10001011	Kỹ năng giao tiếp	Nguyễn Việt Hương	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI					
198	DCK10001012	Kỹ năng giao tiếp	Nguyễn Việt Hương	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI					

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG **TRƯỞNG PHÒNG QLĐT** **TRƯỞNG KHOA**